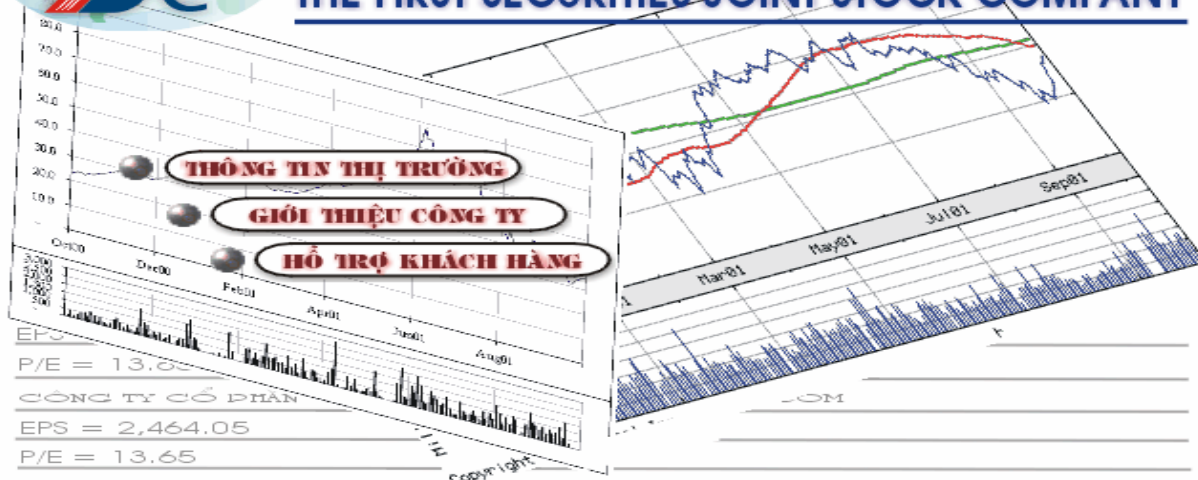




CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT
THE FIRST SECURITIES JOINT STOCK COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2015

- **Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất.**

Số 9, Hoàng Văn Thụ , Khu Đô Thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một , Tỉnh Bình Dương

Điện Thoại : (0650) 832614-832615

Fax : (0650) 832616

Email : ctydenhat@yahoo.com

- **Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất tại T P Hồ Chí Minh**

Số 521 Đường Hồng Bàng , Phường 14, Quận 05, TP Hồ Chí Minh .

Điện Thoại : (08) 8537923

Fax : (08) 8537932

Web : [http \www.fsc.com.vn](http://www.fsc.com.vn)

- **Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất Chi Nhánh Hà Nội**

Lầu 3, Số 81-83 Phố Lò Đúc , Quận Hai Bà Trưng . Hà Nội.

Điện thoại: (04)3 972 8302 ~ 3 972 8307 fax: (04)3 972 8301

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700334885 Đăng ký lần đầu ngày 28/12/1999, thay đổi lần thứ 6 do Sở KHĐTư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/09/2013
- Vốn điều lệ: **300 tỷ VNĐ**
- Địa chỉ: số 9, Hoàng Văn Thụ, Phường Chánh Nghĩa, TP Thủ Dầu Một , Tỉnh Bình Dương
- Điện Thoại (0650)3832614; Fax (0650)3832616
- Website : <http://www.fsc.com.vn>
- Quá trình hình thành và phát triển

Do yêu cầu đổi mới doanh nghiệp nhà nước , từ những ngày đầu thành lập thị trường chứng khoán Việt Nam ; Tỉnh Bình Dương là một trong số các địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía nam đã đặc biệt quan tâm đến việc hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán . Vì vậy dưới sự chỉ đạo của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương , Công Ty BECAMEX (tiền thân của Tổng Công Ty TNHH một thành viên BECAMEX IDC hiện nay) đã thành lập Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất (vốn điều lệ ban đầu 43 tỷ đồng) với vai trò cổ đông sáng lập theo giấy phép thành lập số 249/ GP-UB ngày 18/10/1999 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương ,giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/12/1999. Ngày 08/04/2010 , Công ty được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động kinh doanh số 04/GPHDKD. Lễ trao giấy phép cho hai công ty chứng khoán đầu tiên ở phía nam là Đệ Nhất FSC và SSI được tiến hành trọng thể ngày 12/04/2000 tại Trụ sở Ngân hàng Nhà nước TP HCM.



- Tháng 07 năm 2000 Công ty chính thức trở thành thành viên Trung Tâm Giao dịch chứng khoán TP HCM (nay là Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM) theo quyết định số 04/ QĐTV-TTGD4 ngày 19/07/2000.
- Ngày 07/02/2001 được UBCKNN chấp thuận mở chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh theo quyết định số 06/2001/QĐ-UBCKNN.
- Ngày 27/12/2006 được UBCKNN chấp thuận việc chuyển nhượng 28,10% vốn cho Công Ty Yuanta Securities Asia Financial Services LTD theo quyết định số 842/ QĐ-UBCK .
- Ngày 29/12/2006, Công ty trở thành thành viên của Trung Tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội) theo quyết định số 121/ QĐ-TTGDHN.
- Ngày 05/06/2007 được UBCKNN chấp thuận cho việc tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng theo quyết định số 350/QĐ-UBCK ngày 05/06/2007.
- Ngày 13/10/2008 được UBCKNN chấp thuận cho việc tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng theo quyết định số 158/ UBCK - GP.
- Ngày 09/08/2010 được UBCKNN chấp thuận mở chi nhánh Hà Nội theo quyết định số 648/QĐ-UBCK.
- Ngày 30/03/2011 được UBCKNN chấp thuận cung cấp dịch vụ chứng khoán trực tuyến theo quyết định số 281/QĐ-UBCK.

- Ngày 27/01/2014, sau khi được sự chấp thuận của các Sở Giao dịch, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến mới tại địa chỉ <https://www.e-fsc.com.vn> với nhiều chức năng và tiện ích mới giúp nhà đầu tư dễ dàng quản lý tài khoản, đặt lệnh mua bán chứng khoán và chuyển tiền trong và ngoài hệ thống.
- Tháng 06/2015, sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN, Công ty đã cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ thuộc nghiệp vụ môi giới cho khách hàng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

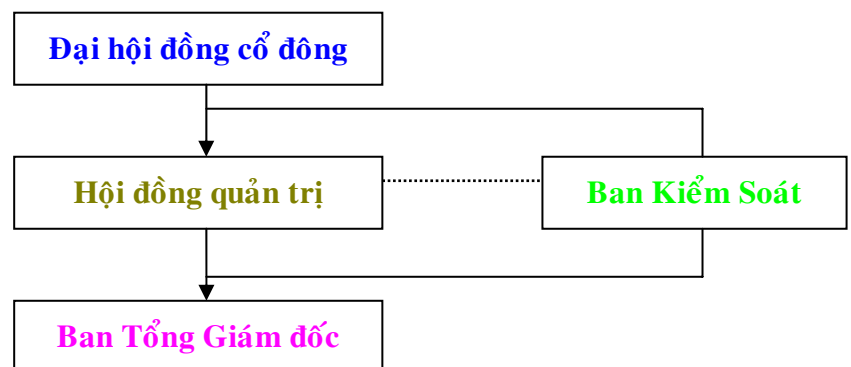
2.1 Ngành nghề kinh doanh:

- Môi Giới Chứng Khoán
- Tư Vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành
- Tự Doanh
- Các dịch vụ tư vấn tài chính khác .

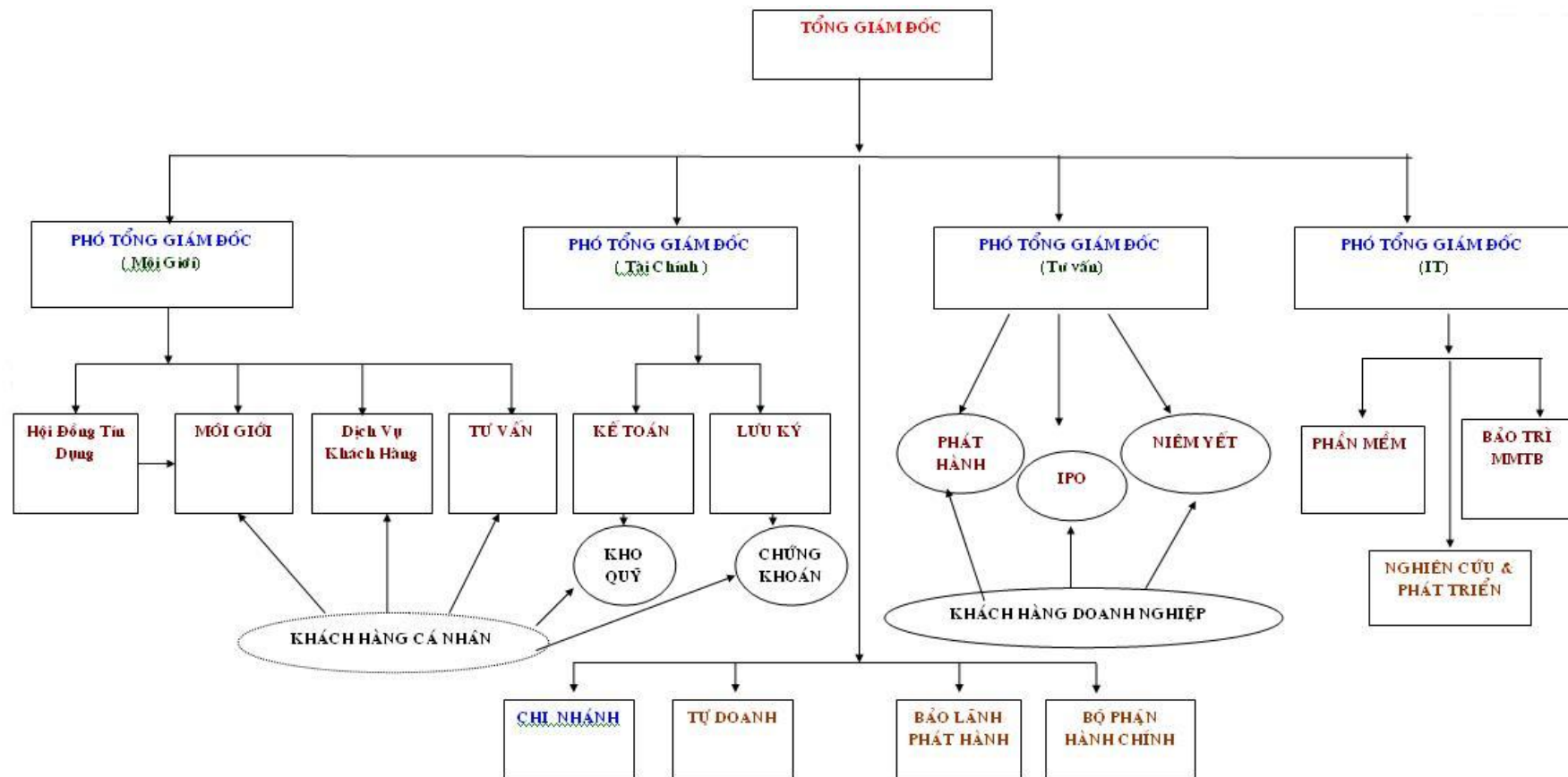
2.2 Địa bàn kinh doanh: địa bàn kinh doanh chính của Công ty là TP Hồ Chí Minh và Tỉnh Bình Dương

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị Công Ty :



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý và kinh doanh:



4. Định hướng phát triển

4.1 .Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Giá trị cốt lõi mà công ty cung cấp cho khách hàng tập trung qua slogan **Trung Thực – Bảo Mật – Chuyên nghiệp**

4.2 .Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

3.2.1 Trung hạn :

- Thực hiện nhiệm vụ chính trị : cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Tỉnh Bình Dương nói chung và các doanh nghiệp trong hệ thống BECAMEX Group nói riêng .
- Kiện toàn hệ thống tại TPHCM, Hà Nội Bình Dương trong đó chú trọng chất lượng dịch vụ , gắn bó lợi ích công ty với lợi ích khách hàng , không tìm kiếm lợi nhuận bằng mọi giá.

4.2.2 Dài hạn :

- Mở rộng hệ thống tại các Tỉnh thành .
- Mở rộng hợp tác , liên doanh liên kết, tận dụng sự hỗ trợ của cổ đông nước ngoài là tổ chức kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp để nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đủ sức cạnh tranh với các Cty Chứng khoán nước ngoài.Tận dụng hỗ trợ của Công Ty mẹ BECAMEX IDC và các thành viên trong BECAMEX Group để nâng cao năng lực hoạt động và năng lực cạnh tranh.
- Cạnh tranh lành mạnh , tối đa hoá lợi nhuận cho cổ đông .

5. Các rủi ro : là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù là chứng khoán nên hoạt động của Công ty chịu rất nhiều rủi ro từ nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm , tỷ lệ lạm phát . Sự điều chỉnh các văn bản pháp luật như thuế, hải quan , chính sách xuất nhập khẩu từng thời kỳ cũng sẽ gián tiếp tác động đến công ty do biến động giá các cổ phiếu đã đầu tư. Ngoài ra các sự kiện chính trị, quốc phòng nhạy cảm trong từng thời kỳ cũng có thể ẩn chứa nhiều nguy cơ gây sụt giảm của thị trường chứng khoán. Các rủi ro đến từ thiên tai, lũ lụt , hoả hoạn và những nguyên nhân bất khả kháng khác cũng được xem là những rủi ro hoạt động của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1- Tình hình kinh doanh :

- Mã CK: VNINDEX



- Mã CK: HNXINDEX



-Năm 2015 vừa qua là một năm mà thị trường chứng khoán Việt nam diễn biến rất phức tạp do tác động của các thông tin tốt xấu đan xen nhau .Nếu như VNI-INDEX bắt đầu năm 2015 với 544,5 điểm và kết thúc năm với 579 điểm(tăng 6,33%) thì tại sàn Hà nội, HNX đã mở đầu với 82,74 điểm và kết thúc năm ở mức 79,96 điểm (giảm 3,35%).Trong năm thị trường tăng mạnh nhất vào tháng 7 với VNI INDEX đạt 635,5 điểm (ngày 27/07/2015) và HNX đạt 89,47 điểm (ngày 06/07/2015) để rồi chưa đầy một tháng sau đã giảm đến mức thấp nhất của năm với VNI INDEX ở mức 526,9 điểm và HNX ở mức 73,09 điểm vào cùng ngày 24/08/2015.

Trong năm, có lúc thị trường phấn khích do kỳ vọng về tăng trưởng kinh tế sau khi VN tham gia các hiệp định TPP, FTA, thông tin về nới room cho nhà đầu tư nước ngoài nhưng cũng có lúc giảm sâu do việc Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ 1,9% (chỉ trong vòng 3 ngày, đồng NDT đã giảm 4,6 % so với đồng USD) buộc Việt Nam phải điều chỉnh tỷ giá mạnh, hay việc FED đã nâng lãi suất (lần đầu tiên trong gần 10 năm qua) cũng như cú trượt dốc của giá dầu thô thế giới vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại, đã ảnh hưởng lớn đến tâm lý chung của toàn bộ thị trường, đặc biệt là nhóm cổ phiếu dầu khí.

Với những tác động đan xen như trên đã khiến tình hình thị trường chứng khoán 2015 diễn biến rất phức tạp và khó lường .Nhất là vào thời điểm cuối năm, giá chứng khoán giảm mạnh đã quét sạch lợi nhuận của các tổ chức đầu tư tài chính dồn tích trong quý.Mọi dự báo , phương án kinh doanh ngắn và trung hạn đều có thể dẫn đến kết quả thua lỗ tức thì.

Trong tình hình chung như thế , kết quả kinh doanh năm 2015 của Công ty chỉ đạt 80% kế hoạch doanh thu và 63% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

- Các khoản đầu tư lớn : theo quy định của pháp luật hiện hành về quy chế hoạt động của Công ty chứng khoán : công ty không được đầu tư , sở hữu trên 10% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức niêm yết và trên 15% số lượng cổ phiếu hay vốn góp của công ty chưa niêm yết , vì vậy trong hoạt động đầu tư (tự doanh) trong năm của công ty không có khoản nào là đầu tư lớn vượt quá các quy định trên.
- Các công ty con, công ty liên kết : Công ty không có công ty con và công ty liên kết nào.

2- Tổ chức và nhân sự:

-Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

(Trong năm 2015, không có sự thay đổi nào trong nhân sự của Ban Điều hành) .

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Thiện Thế	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 08 năm 2012
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Chung Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Huỳnh Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010

- Số lượng cán bộ nhân viên toàn công ty là 57 người .

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
- Tổng giá trị tài sản/ Total asset	457.436.610.254	416.544.250.464	91,06%
- Doanh thu/ Revenue	58.107.728.384	46.560.293.769	80,12%
- Thuế và các khoản phải nộp/Taxes and payables	10.803.738.956	6.197.536.697	57,36%
- Lợi nhuận trước thuế/ Before tax profit	29.846.756.395	18.604.259.804	62,33%
- Lợi nhuận sau thuế/After tax profit	24.975.035.652	16.371.811.705	65,55%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) + Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn)	3,79 3,79	5,94 5,94	Cty chứng khoán không có hàng tồn kho nên Hs thanh toán ngắn hạn = HS thanh toán nhanh
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,22 0,28	0,14 0,16	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	0,12	0,11	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,42	0,35	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0.046	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.054	0,039	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,51	0,40	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tổng số cổ phần của công ty tại thời điểm lập báo cáo là **30 triệu** cổ phần phổ thông , trong đó :

4.1. Cổ đông Nhà nước:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ trọng
1.	Cty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển công nghiệp (Becamex IDC)	230 Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	3700145020	11.144.578	37,15%

4.2. Cổ đông sáng lập:

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phiếu	Tỷ trọng
1	Tổng Cty Đầu tư và Phát triển công nghiệp (Becamex IDC) TNHH một thành viên	230 Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	3700145020	11.144.578	37,15%
2	Huỳnh Quế Hà	85 Hải Thượng Lãn Ông , Q5, TPHCM.		1.813.200	6.04%
Tổng cộng				12.957.778	43,19%

Ghi chú: Tất cả các hạn chế chuyển nhượng cổ đông sáng lập đến ngày lập báo cáo đều đã hết thời hạn .

4.3. Cổ đông nước ngoài:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ trọng
2.	Yuanta Securities Asia Financial Services LTD	Clarendon House, 2 Church Street, Hamilton HM11, Bermuda		13.403.600	44,68%

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2015, Công ty không phát hành cổ phiếu làm thay đổi vốn điều lệ.

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ : Công ty hiện không có cổ phiếu quỹ nên không có giao dịch cổ phiếu quỹ nào trong năm 2015.

d) Các chứng khoán khác : trong năm 2015, công ty không phát hành bất kỳ chứng khoán nào khác .

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

5.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

5.2. Chính sách liên quan đến người lao động:

Chính sách đối với người lao động:

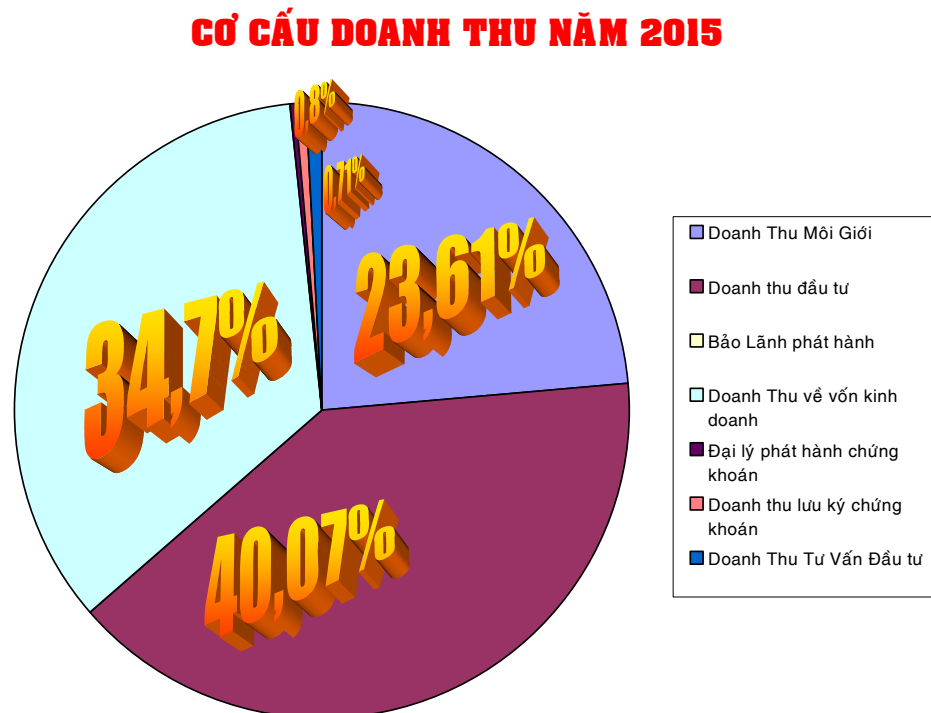
- Tiền lương ,khen thưởng – phúc lợi: Tiền lương thanh toán cho người lao động hàng tháng bao gồm khoản lương cố định (cứng) và phần lương theo kết quả kinh doanh (mềm).Theo đó phần lương cứng sẽ căn cứ vào công việc , trình độ, thâm niên của người lao động , ngoài ra tùy theo tính chất công việc và địa bàn công tác mà sẽ có các chính sách phụ cấp khác(độc hại,khu vực ...). Phần lương mềm sẽ căn cứ vào mức vượt kế hoạch doanh số hoặc hiệu quả kinh doanh .Ngoài ra , người lao động còn được hưởng tiền cơm trưa,công ty cũng tham gia mua bảo hiểm xã hội, đóng kinh phí công đoàn , trích quỹ trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo các quy định của pháp luật hiện hành một cách đầy đủ.
- Khen thưởng: căn cứ vào tiêu chuẩn bình xét thi đua của công ty và quỹ khen thưởng hàng năm trích được, Công ty sẽ xét khen thưởng cho người lao động thông qua các đợt lễ , tết lớn trong năm.Ngoài ra, Ban Điều hành có thể thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể trong Công ty, trong các trường hợp sau:
- Người lao động có nhiều đóng góp vào kết quả sản xuất kinh doanh và xây dựng đơn vị;tùy theo hiệu quả mang lại mà Giám đốc Công ty xét chi thưởng phù hợp.
- Chính sách đào tạo và tuyển dụng: Khi Công ty có nhu cầu đào tạo, người được đào tạo sẽ được trả lương trong thời gian đi học, khi học có kết quả sẽ được thanh toán 100% chi phí.
- Điều kiện làm việc: Công ty đảm bảo các điều kiện làm việc cho nhân viên, trang bị đồng phục ,các máy móc thiết bị chuyên môn,dụng cụ vệ sinh lao động...

- Các hoạt động đoàn thể xã hội: Công ty có Chi bộ, Công đoàn cơ sở và tổ chức Đoàn thanh niên. Các tổ chức này đều hoạt động theo điều lệ của tổ chức quy định.

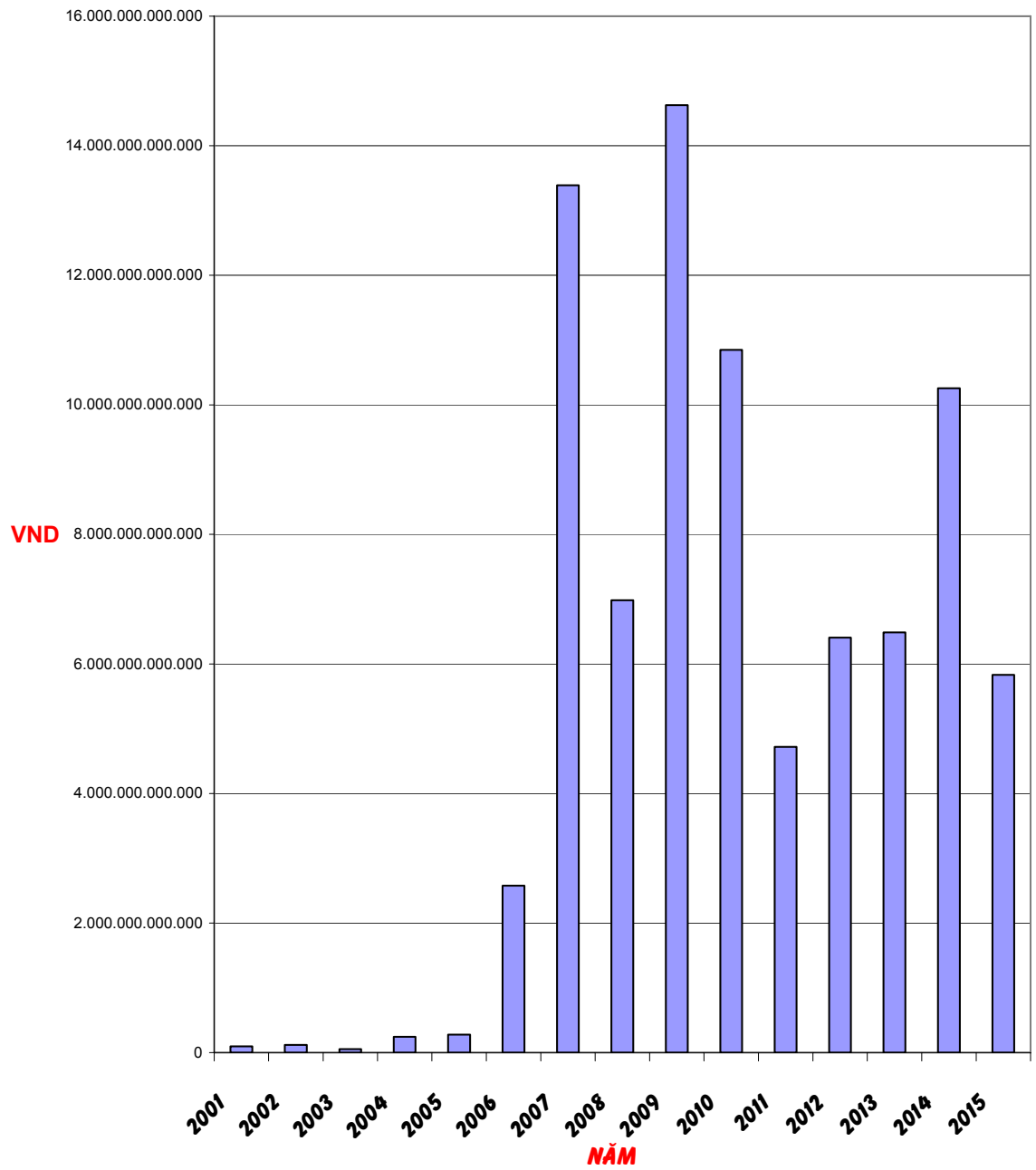
5.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tại địa bàn hoạt động, công ty và các chi nhánh tham gia đầy đủ các đợt vận động của địa phương, nộp kinh phí phòng chống lụt bão tại địa phương đúng hạn.

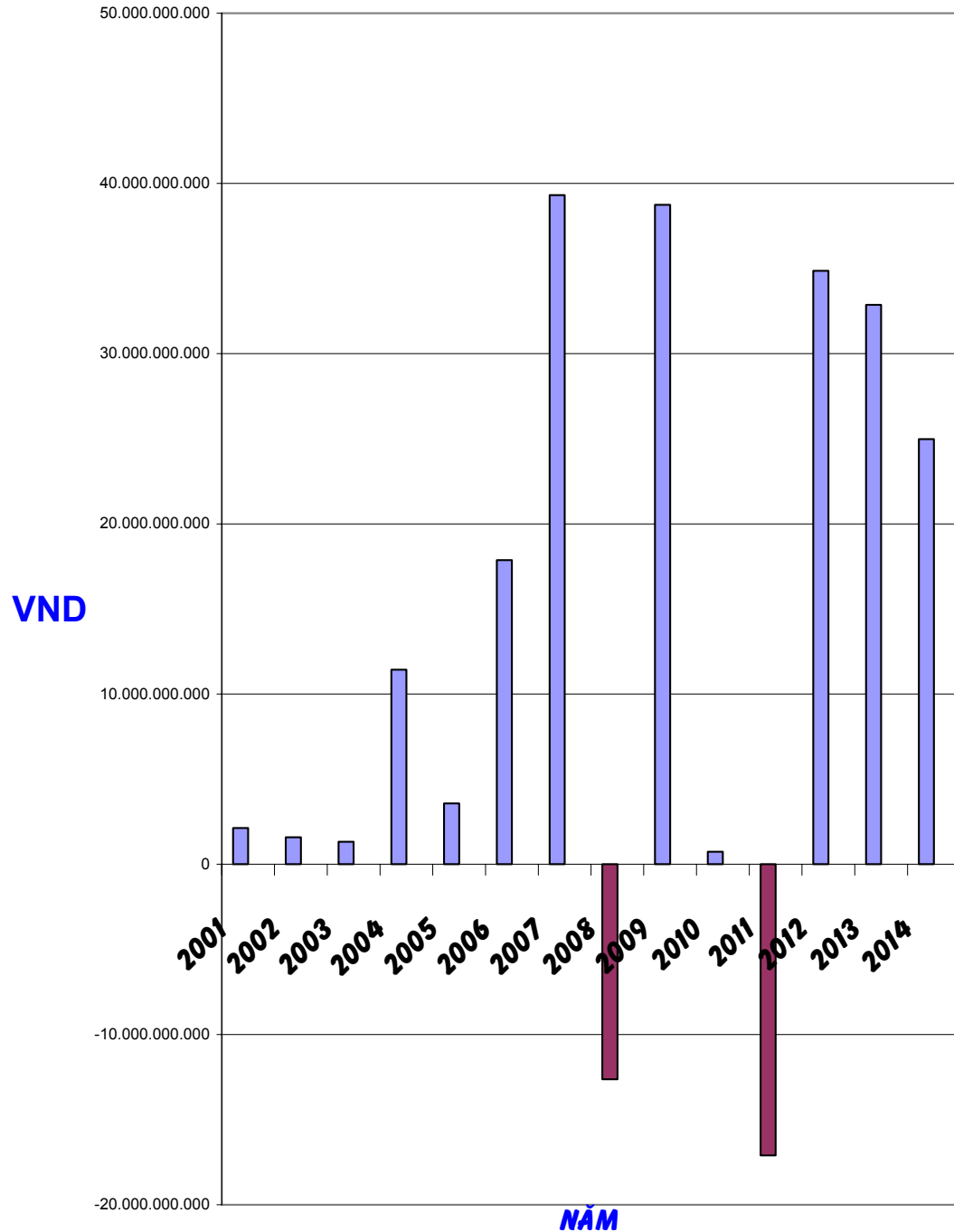
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:



KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH



LỢI NHUẬN SAU THUẾ



1-. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động năm 2015:

a) Về Môi giới :

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015, giá trị giao dịch của khách hàng được thực hiện qua Công Ty là **5.712.670.913.000** đồng (56,81% so với năm 2014). Tổng phí môi giới thu được toàn Công ty là **10.990.968.815** đồng (54,54% so với năm 2014).

Tính đến thời điểm 31/12/2015, số lượng tài khoản khách hàng của toàn Công Ty là **7.972** tài khoản (tăng 1,78% so với năm 2014), số tiền ký quỹ giao dịch đến ngày 31/12/2015 là **28.718.723.019** đồng (31,82%% so với năm 2014) , tổng số lượng chứng khoán lưu ký là **137.654.037** cổ phiếu (123,91% so với năm 2014).

b) **Về Tự doanh** : trong năm 2015, tổng giá trị giao dịch mua bán tự doanh là **117.800.327.200** đồng (59,06% so với năm 2014), thu lãi và các khoản thu nhập từ đầu tư cổ phiếu (cổ tức, cổ phiếu thưởng) là **18.655.868.239** đồng (103,36% so với năm 2014).

c) **Về các hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn khác** : chủ yếu một số hợp đồng tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quản lý sổ cổ đông , với doanh thu **330.454.546** đồng (bằng 206,53% so với năm 2014) .

d) **Doanh thu lưu ký** : Doanh thu lưu ký thu được trong năm là **371.753.251** đồng

e) **Doanh thu khác** : Doanh thu khác năm 2014 đạt 83,01% so với 2014, cụ thể như sau :

VNĐ		
<i>Nội dung</i>	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2015</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.442.170.260	5.958.364.451
Giao dịch ký quỹ	-	4.637.042.565
Phí thu từ hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	6.947.112.110	4.695.520.727
Phí quản lý tài khoản vay cầm cố	2.678.719.740	764.413.019
Doanh thu khác	392.610.117	99.545.845
Tổng cộng	19.460.612.227	16.154.887.607

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

Đơn vị tính : VND

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2015</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>
Chi phí nhân viên	4.402.192.319	4.426.513.212	100,55%
Chi phí bằng tiền	3.211.422.826	3.842.035.252	119,63%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	798.074.530	327.775.797	41,07%
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.052.644.646	1.738.728.571	56,95%
Chi phí hoạt động lưu ký	813.252.351	813.409.032	100%
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	2.332.997.670	593.491.490	25,54%
Chi phí khác	1.905.012.052	1.435.996.582	75,37%
	16.515.596.394	13.177.949.936	79,79%
Trích dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	5.851.262.800	9.420.046.205	161%
Tổng cộng	22.366.859.194	22.597.996.141	101,03%

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP 2015

Đơn vị tính : VND

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2015</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>
Chi phí nhân viên quản lý	2.557.551.449	2.618.412.558	102,37%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	573.173.103	645.603.482	112,63%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	598.837.732	655.541.207	109,46%
Chi phí khác bằng tiền	<u>2.532.055.845</u>	<u>1.438.480.577</u>	<u>56,81%</u>
	6.261.618.129	5.358.037.824	85,56%
Hoàn dự phòng nợ phải thu khó đòi	(276.596.243)	0	N/A
Tổng Cộng	5.985.021.886	5.358.037.824	89,52%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2015</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
1. Doanh thu	58.107.728.384	46.560.293.769	80,12%
<i>Trong đó:</i>			
Doanh thu hoạt động môi giới CK	20.150.860.683	10.990.968.815	54,54%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	18.048.097.588	18.655.868.239	103,36%

Doanh thu đại lý phát hành CK	1.331.250	56.361.311	4.233,71%
Doanh thu hoạt động tư vấn	160.000.000	330.454.546	206,53%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	286.826.636	371.753.251	129,60%
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	-	-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-	-
Doanh thu khác	19.460.612.227	16.154.887.607	83,01%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	58.107.728.384	46.560.293.769	80,12%
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	(22.366.859.194)	(22.597.996.141)	101,03%
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(5.985.021.886)	(5.538.037.824)	89,52%
7. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	29.755.847.304	18.604.259.804	62,52%
8. Thu nhập khác	90.909.091	0	N/A
9. Chi phí khác	-	0	N/A
10. Lợi nhuận khác	90.909.091	0	N/A
11. Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế	29.846.756.395	18.604.259.804	62,52%
13. Thuế TNDN hiện hành	4.871.720.743	2.232.448.099	45,82%
14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	24.975.035.652	16.371.811.705	65,55%
15. Lãi (lỗ) cơ bản /CP	790	518	65,56%

Trong diễn biến phức tạp của thị trường chứng khoán Việt nam năm 2015, nhìn chung giá trị giao dịch tự doanh và môi giới của Công ty đều giảm lần lượt là 56,81% và 59,06% so với năm 2014 khiến doanh thu hoạt động ở hai mảng hoạt động đều thấp . Trong năm tự doanh không chốt lỗ nhưng do số chứng khoán đang nắm giữ bị giảm giá mạnh vào thời điểm tháng 12/2015 khiến chi phí trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán cuối năm tăng cao như đề cập ở phần dưới . Các khoản doanh thu từ cổ tức các cổ phiếu đang đầu tư dài hạn cũng giảm sút do khó khăn của các tổ chức phát hành. Doanh thu khác cũng sụt giảm do phải điều chỉnh theo xu thế giảm chung của lãi suất thị trường .

Về chi phí : trong bối cảnh tỷ lệ lạm phát chung của nền kinh tế chỉ là 2%/ năm và doanh số giao dịch của hoạt động tự doanh và môi giới chỉ nhỉnh hơn 50% của năm 2014 , các chi phí kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 trước khi trích các khoản dự phòng chỉ là 79,79% và 85,56% so với cùng kỳ 2014. Trong đó các chi phí hoạt động môi giới và tự doanh cũng tương ứng với doanh số giao dịch khi chỉ lần lượt là 56,95% và 25,54% cùng kỳ 2014, các chi phí khác và chi phí khác bằng tiền trong chi phí kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm tương ứng với mức 75,37% và 56,81% . Riêng các chi phí cố định như chi phí nhân viên, khấu hao tài sản, chi phí lưu ký và dịch vụ

mua ngoài bằng tiền đều tăng nhẹ theo mặt bằng chung của thị trường Tuy nhiên sau khi trích dự phòng giảm giá chứng khoán thì chi phí kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp đạt lần lượt là 101,03% và 89,52% so với cùng kỳ 2014 .Điều này do vào thời điểm tháng 12/2015 khi mà thông tin Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ đã tác động làm thị trường giảm sâu khiến chi phí trích dự phòng trong năm tăng cao (quét sạch phần lớn lợi nhuận của cả quý 4).Cá biệt các khoản đầu tư dài hạn có khoản phải trích dự phòng 100% giá trị đầu tư do doanh nghiệp phát hành bị lỗ nặng mất cả vốn (Bột Mì Bình An).

2- Tình hình tài chính :

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đến 31/12/2015: **30.000.000** cổ phần .
- Book value tại thời điểm 31/12/2015: **11.877** đ/ cp
- Tỷ lệ vốn khả dụng đến 31/12/2015: **360%**
- Dự phòng giảm giá CK đến ngày 31/12/2015: **25.045.135.770** đồng.Trong đó dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn :**12.407.596.318** đồng và dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn :**12.637.539.452** đồng.
- Chênh lệch giá thị trường cao hơn giá vốn chứng khoán vào ngày 31/12/2015 đã mua nhưng chưa bán là **8.219.041.169** đồng chưa được ghi nhận vào báo cáo và cũng không trừ vào khoản trích dự phòng giảm giá chứng khoán nêu trên.

3. Những tiến bộ đã đạt được :

- Là một trong số các Công ty chứng khoán đầu tiên đi vào hoạt động cùng với thị trường chứng khoán Việt nam : công ty đã có nhiều bước đột phá tiên phong trong việc vận dụng các nghiệp vụ chứng khoán vào điều kiện hoạt động thực tiễn . Công ty đã xây dựng các quy trình nghiệp vụ chuẩn mực , triển khai việc định giá các dự án BOT đầu tiên của Việt Nam để cổ phần hoá, thực hiện quản lý sổ cổ đông cho các doanh nghiệp bằng phần mềm quản lý ,triển khai nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán cho các doanh nghiệp từ những ngày sơ khai của thị trường .Có thể nói qua hơn 10 năm hoạt động, đội ngũ chuyên viên tư vấn của Công ty đã tích lũy nhiều kinh nghiệm, có mối quan hệ tốt với các đối tác , các bên liên quan để hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư.Bộ máy điều hành của Công ty ổn định nên tiêu chí kinh doanh được xuyên suốt , phục vụ khách hàng tốt nhất nhưng không chạy theo lợi nhuận đơn thuần .
- Trong năm 2015: sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN, từ tháng 06 năm 2015, công ty đã tiến hành cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ cho khách hàng .Tuy nghiệp vụ này triển khai chậm hơn so với các công ty chứng khoán khác

nhưng cũng nhờ chậm nên đã rút ra được nhiều kinh nghiệm từ thị trường trong các đợt suy giảm trước đó.

- Kết quả kinh doanh của công ty ổn định nhiều năm:

Theo phương án tái cấu trúc thị trường chứng khoán của UBCKNN, mức độ phân hoá các CTCK sẽ càng gay gắt khi mà để thực hiện những nghiệp vụ giao dịch mới, tham gia thị trường chứng khoán phái sinh... đều có điều kiện về vốn điều lệ hay sức mạnh tài chính. Với bối cảnh này và việc công ty hoạt động ổn định nhiều năm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công ty đón nhận ngày càng nhiều dòng vốn ngoại khi mà tại ĐHĐCĐ 2015, Công ty đã mở room 100% cho nước ngoài .

4. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới :

Vượt qua giai đoạn khó khăn nhất 2011-2013 trong lịch sử thị trường chứng khoán Việt nam một cách an toàn , có thể nói những bài học đắt giá của thị trường đã được đội ngũ lãnh đạo và CB, CNV Công ty tiếp thu thấu đáo. Vì vậy những định hướng phát triển “ *từng bước phát triển bền vững , chú trọng đến đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng của nhân viên đồng thời tiết kiệm tối đa chi phí* “ , “ *gắn bó chia sẻ cùng khách hàng , không tìm kiếm lợi nhuận bằng mọi giá* “ luôn là kim chỉ nam xuyên suốt cho toàn Công ty phấn đấu lâu dài.

Trong tình hình hiện nay, xu hướng tái cấu trúc, sáp nhập , hợp nhất các công ty chứng khoán đang diễn ra với sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước là Ủy Ban Chứng Khoán, với đặc thù là một công ty chứng khoán có vốn thuộc sở hữu nhà nước nắm cổ phần chi phối- thuộc diện phải thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo chỉ đạo của Thủ Tướng Chính Phủ trong khi Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 đã nhất trí mở room 100% cho vốn ngoại thì trong thời gian tới có thể sẽ dẫn đến việc thay đổi chủ sở hữu tại Công ty hoặc thay đổi tỷ trọng trong cơ cấu cổ đông lớn của công ty , từ đó các định hướng kinh doanh ,chiến lược phát triển thời gian tới sẽ có những thay đổi nhất định .Tuy nhiên , với những kinh nghiệm thực tiễn đúc kết trong giai đoạn vừa qua có thể nói đội ngũ lãnh đạo , CB& CNV công ty đủ năng lực để có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao trong thời gian tới.

5- Bản giải trình báo cáo kiểm toán của ban Tổng Giám Đốc :

Báo cáo kiểm toán được chấp thuận toàn bộ, không có khoản loại trừ nào.

6. Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015:

6.1-Ý kiến của Kiểm toán độc lập:



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +64 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60859557/17110958

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty"), được lập Ngày 12 tháng 2 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các qui định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các qui định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Đại Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Võ Ngọc Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2015

6.2- Báo cáo tài chính được kiểm toán :

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>Mã số</i>	<i>TÀI SẢN</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>31/12/2015</i>
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	378.525.957.620	345.844.680.523
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	269.865.029.118	160.176.246.295
111	1. Tiền	112.808.779.118	69.076.246.295
112	2. Các khoản tương đương tiền	157.056.250.000	91.100.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	71.940.746.026	72.571.684.431
121	1. Đầu tư ngắn hạn	81.773.374.969	89.588.285.199
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(9.832.628.943)	(17.016.600.768)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	35.773.884.182	112.304.216.600
132	1. Phải thu khách hàng	0	58.000.000
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	34.868.472.588	111.268.612.506
138	3. Các khoản phải thu khác	6.646.833.305	6.622.233.960
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.741.421.711)	(5.644.629.866)
140	IV. Hàng tồn kho	-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	946.298.294	959.776.458
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	934.798.294	765.433.197
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	0	0
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	11.500.000	27.100.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	78.910.652.634	70.699.569.941
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
220	II. Tài sản cố định	10.126.968.400	9.977.489.121
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9.383.067.745	8.705.006.195
222	- Nguyên giá	24.477.069.636	23.458.657.892
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(15.094.001.891)	(14.753.651.697)
227	2. Tài sản cố định vô hình	743.900.655	1.272.482.926

228	- Nguyên giá	7.963.645.034	8.787.545.031
229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(7.219.744.376)	(7.515.062.105)
240	III. Bất động sản đầu tư	-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	61.468.073.978	52.332.478.998
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	15.000.000.000	15.000.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác	52.260.534.600	45.361.014.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(5.792.460.622)	(8.028.535.002)
260	V. Tài sản dài hạn khác	7.315.610.256	8.389.601.822
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	0	0
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	6.873.105.696	7.947.097.262
268	3. Tài sản dài hạn khác	442.504.560	442.504.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	457.436.610.254	416.544.250.464
Mã số	NGUỒN VỐN	31/12/2014	31/12/2015
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	101.662.591.729	60.217.010.820
310	I. Nợ ngắn hạn	99.662.591.729	58.217.010.820
312	1. Phải trả người bán	433.884.000	459.732.200
313	2. Người mua trả tiền trước	0	110.468.000
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.551.319.665	312.690.813
315	4. Phải trả người lao động	416.485.000	445.255.000
320	5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	90.823.164.659	48.362.830.883
321	6. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	45.816	45.816
322	7. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	212.122.776	489.720.206
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.176.598.624	2.321.565.810
328	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.048.971.189	5.714.702.092
330	II. Nợ dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
339	1. Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư	2.000.000.000	2.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	355.774.018.525	356.227.239.644
410	I. Vốn chủ sở hữu	355.774.018.525	356.227.239.644
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	924.317.200	924.317.200

417	3.Quỹ đầu tư phát triển	10.398.484.336	10.398.484.336
418	4. Quỹ dự phòng tài chính	9.550.228.802	9.550.228.802
420	5. Lợi nhuận (lỗ lũy kế) chưa phân phối	34.900.988.187	34.900.988.187
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	457.436.610.254	530.445.306.687

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>31/12/2015</i>
002	1. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	0	0
005	2. Ngoại tệ các loại	30.348.270	30.741.930
006	3. Chứng khoán lưu ký	1.110.885.300.000	1.376.540.370.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	1.021.879.860.000	1.105.771.895.400
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	39.169.960.000	48.839.390.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	919.985.690.000	1.000.235.865.400
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	62.724.210.000	56.696.640.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	11.426.960.000	9.790.050.000
014	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	11.426.960.000	9.790.050.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	43.464.170.000	17.669.000.000
019	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	43.464.170.000	17.690.000.000
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	-	125.150.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	33.827.260.000	32.469.000.000
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	280.900.000	352.000.000
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	31.223.360.000	31.471.700.000
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	2.323.000.000	645.300.000
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	287.050.000	6.637.480.000
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	40.000
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	287.050.000	6.588.150.000
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	49.290.000

042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	204.077.794.600
047	6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết Trong đó:	204.757.530.000	228.851.180.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	201.608.530.000	227.214.180.000
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	6.932.120.000	8.159.280.000
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	176.982.080.000	198.796.930.000
054	7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	17.694.330.000	20.257.970.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		0
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		0
061	7.3. Chứng khoán cầm cố		0
063	7.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		0
066	7.4. Chứng khoán tạm giữ	2.853.000.000	0
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	296.000.000	1.637.000.000
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	296.000.000	1.637.000.000
076	7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-
078	7.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước		-
081	7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
084	10. Chứng khoán nhận uỷ thác đấu giá	-	-

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2015</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
1. Doanh thu	58.107.728.384	46.560.293.769	80,12%
<i>Trong đó:</i>			
Doanh thu hoạt động môi giới CK	20.150.860.683	10.990.968.815	54,54%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	18.048.097.588	18.655.868.239	103,36%
Doanh thu đại lý phát hành CK	1.331.250	56.361.311	4.233,71%
Doanh thu hoạt động tư vấn	160.000.000	330.454.546	206,53%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	286.826.636	371.753.251	129,60%
Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá	-	-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-	-
Doanh thu khác	19.460.612.227	16.154.887.607	83,01%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	58.107.728.384	46.560.293.769	80,12%
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	(22.366.859.194)	(22.597.996.141)	101,03%
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(5.985.021.886)	(5.538.037.824)	89,52%
7. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	29.755.847.304	18.604.259.804	62,52%
8. Thu nhập khác	90.909.091	0	N/A
9. Chi phí khác	-	0	N/A
10. Lợi nhuận khác	90.909.091	0	N/A
11. Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế	29.846.756.395	18.604.259.804	62,52%
13. Thuế TNDN hiện hành	4.871.720.743	2.232.448.099	45,82%
14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	24.975.035.652	16.371.811.705	65,55%
15. Lãi (lỗ) cơ bản /CP	790	518	65,56%

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2015

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2015</i>
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	29.846.756.395	18.604.259.804

	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao TSCĐ và phân bổ	1.371.247.633	973.379.279
03	- Các khoản dự phòng	5.996.269.793	9.323.254.360
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư	(18.038.710.496)	(17.251.660.410)
08	3. Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	19.175.563.325	11.649.233.033
09	- Giảm (tăng) các khoản phải thu	56.427.537.738	(76.280.883.322)
10	- (Tăng) giảm đầu tư ngắn hạn	(10.462.740.790)	(2.358.660.230)
11	- (Giảm) tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(79.327.287.031)	(41.213.385.036)
12	- Giảm (tăng) chi phí trả trước	(134.026.396)	169.365.097
14	- Thuế TNDN đã nộp	(7.956.111.038)	(3.283.234.558)
15	- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		0
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(572.054.759)	(632.321.431)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	(22.849.118.951)	(111.949.886.447)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.864.106.200)	(823.900.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	90.909.091	0
23	3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	-	0
24	4. Tiền thu hồi cho vay, góp vốn, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	176.960.000	9.081.420.600
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	18.117.619.322	14.459.833.024
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	16.521.382.213	22.717.353.624
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(21.327.736.738)	(104.232.532.823)
60	Tiền và các khoản tương đương đầu năm	285.736.515.856	264.408.779.118

70	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</i>	264.408.779.118	160.176.246.295
----	--	-----------------	-----------------

IV- Đánh giá của Hội đồng Quản Trị đối với Công Ty:

GDP năm 2015 tăng 6,68% (khoảng 200 tỷ USD , bình quân đầu người khoảng 2.180 USD), đây là mức tăng cao nhất trong 5 năm qua trong lúc lạm phát cả năm chỉ xấp xỉ 2%. Với mức tăng trưởng có dấu hiệu phục hồi này đã giúp cho nền kinh tế vĩ mô có được sự ổn định - mục tiêu mà Việt Nam theo đuổi trong nhiều năm nay, đặc biệt là sau khi lạm phát lên tới trên 20% trong năm 2008 - năm đầu tiên Việt Nam chịu tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Cũng trong năm 2015, Việt Nam đã đạt được nhiều thành quả trong việc hội nhập kinh tế quốc tế, thể hiện qua việc Việt Nam đã ký kết Hiệp định Thương mại tự do với Liên minh kinh tế Á - Âu, kết thúc đàm phán thương mại tự do (FTA) thế hệ mới với Liên minh châu Âu (EU) và Hiệp định Đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP). Trong đó, Việt Nam là đối tác kinh tế quan trọng và đối tác chiến lược của nhiều quốc gia và khu vực, đặc biệt là những đối tác lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ.... hàng hoá và dịch vụ của Việt Nam có mặt ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đứng ở vị trí cao trên thế giới, như: gạo, cà-phê, tiêu....

Tuy nhiên, 2015 lại là một năm sụt giảm thị trường vàng. Vào thời điểm giữa tháng 7 giá vàng liên tục giảm mạnh và chạm mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua. Đã có lúc, chỉ qua một đêm, người nắm vàng đã mất tới gần 300 nghìn/lượng. Vào những tháng cuối năm, đồng USD liên tục mạnh lên do những đồn đoán xung quanh việc Fed có thể tăng lãi suất lần đầu tiên sau hơn 9 năm. Điều này khiến giá vàng thế giới càng giảm mạnh. Giá vàng thế giới chạm đáy 6 năm hôm 17/12, xuống 1.049,6USD/oz khi bị giới đầu tư quốc tế bán tháo sau động thái tăng lãi suất của Fed. Ngay ngày hôm sau, giá vàng trong nước cũng lao dốc mạnh và tuột mất mốc 33 triệu đồng/lượng. Tính đến ngày 28/12, mỗi lượng vàng SJC đã giảm 2,13 triệu đồng, tương đương với việc mất 6,1% giá trị so với hồi đầu năm. Còn so với mức đỉnh hơn 48 triệu đồng/lượng vào năm 2012, giá vàng đã mất khoảng 1/3 giá trị.

Trong tình hình chung như thế , thông thường sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường chứng khoán Việt nam tăng trưởng trong năm 2015. Tuy nhiên với tác động của các sự kiện ngoài mong đợi như việc Trung Quốc bất ngờ phá giá mạnh đồng nhân dân tệ kéo theo một loạt các đơn vị tiền tệ khác, trong đó có VND mất giá khiến NHNN ứng phó bằng cách tăng biên độ tỷ giá thêm 1% nhằm phản ứng trước cơ chế thả nổi đồng nhân dân tệ của Trung Quốc sau gần 10 năm duy trì cơ chế neo tỷ giá NDT với USD. Giá dầu

mở thế giới giảm kỷ lục về dưới 30USD/thùng đã giáng những đòn chí tử vào thị trường chứng khoán tại những thời điểm tháng 12/2015 khiến cho kết quả và nỗ lực tăng trưởng trước đó đều bị xoá sạch. Bên cạnh đó hoạt động kinh doanh chứng khoán ngày càng khó khăn do sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán và những quy định pháp lý ngày càng siết chặt.

Trong tình hình chung như thế, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu trong năm:

- Nắm bắt thời cơ: tăng cường đầu tư lướt sóng kiếm lời ngắn hạn. Tối ưu hoá các khoản lợi nhuận có thể đạt.
- Cơ cấu lại các khoản đầu tư, tập trung các cổ phiếu có chỉ tiêu tài chính tốt.
- Tăng cường quản lý rủi ro.

Số liệu thống kê các công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài

CTCK	Tên cổ đông nước ngoài	Quốc gia	Tỷ lệ (%)	Tổng (%)
MBKE	Maybank Kim Eng Holdings Limited	Malaysia	100	100
NASC	Công ty Shinhan Investment Corporation	Hàn Quốc	100	100
Mirae Asset Việt Nam	Công ty TNHH Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited	Hàn Quốc	100	100
Woori CBV	Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori	Hàn Quốc	49	49
VNSC	VNS Capital Limited	-	9.8	49
	Saigon Capital Limited		9.8	
	VN Securities Limited		9.8	
	VinaSecurities Limited		9.8	
	VinaSecurities Capital Limited		9.8	
VSEC	RHB Investment Bank Berhad	Malaysia	49	49
JSI	CT TNHH Đầu tư Tanmark	Nhật Bản	20	49
	Japan Asia Securities		14.5	
	CT Chứng khoán Aizawa		14.5	
HVS	HVS Group	Malaysia	49	49
KVS	K&N Holdings Berhad	Hàn Quốc	49	49
KIS	CT TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc	Hàn Quốc	48.8	48.8
PHS	Phu Hung Far East Holding Corporation	Đài Loan	46.41	46.41
FSC	Yuanta Securities Asia Financial Services LTD	Đài Loan	44.68	44.68

Hiệu Quả Kinh Doanh Các Công Ty Chứng Khoán Có Vốn Đầu Tư Nước Ngoài

Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ

Đvt: Triệu đồng

CTCK	2015	2014	2013	2012	2011	2010	2009	2008
FSC	16,372	24,975	32,871	36,040	(17,099)	736	38,744	(12,624)
HVS	-	1,099	(3,027)	(2,186)	(5,691)	(6,740)	(7,248)	-
JSI	(3,422)	(3,059)	1,092	2,287	2,287	1,206	3,304	(2,668)
KIS	73,108	5,187	(6,334)	1,397	(6,552)	(57,582)	(7,801)	(35,489)
KVS	-	(8,999)	(10,957)	1,991	114	(9,879)	(6,929)	(3,930)
MBKE	29,199	20,165	(19,461)	17,700	5,030	17,885	32,195	(1,683)
Mirae Asset Việt Nam	5,554	(4,776)	(14,390)	238	(6,562)	(18,147)	3,238	(4,173)
NASC	(6,145)	(2,566)	(665)	(2,297)	(4,321)	(6,103)	(525)	(57,931)
PHS	(14,987)	3,788	(21,957)	(101,466)	27,633	13,003	(38,131)	35
VNSC	(5,576)	(1,919)	(11,929)	1,278	(35,441)	(33,737)	(58,938)	1,953
VSEC	3,466	4,996	5,855	11,417	5,778	10,820	3,887	(5,307)
Woori CBV	161	97	67	22	45	179	579	37

Hầu hết các CTCK trên đều có nhà đầu tư ngoại tham gia vào giai đoạn 2007 và 2008 - thời điểm thị trường chứng khoán Việt bùng nổ nhất. Nhìn lại cả quá trình có khối ngoại đầu tư thì hầu hết các công ty chứng khoán này không mang lại kết quả kinh doanh khả quan, lợi nhuận vô cùng bèo bọt hay thậm chí thua lỗ triền miên khiến vốn chủ sở hữu bị ăn mòn. KVS, PHS, HVS, VNSC đều là những đơn vị điển hình nhiều năm liên báo lỗ hay Woori chỉ lãi vốn vụn vài trăm triệu đồng mỗi năm trong khi vốn chủ sở hữu trên 100 tỷ đồng. Với hai công ty chứng khoán 100% vốn từ Hàn Quốc thì NASC đã kinh doanh thua lỗ liên tục 8 năm liền (2008-2015), vốn chủ sở hữu bị bào mòn còn lại gần 60 tỷ đồng trước khi về tay Shinhan Investment Corporation. Còn Mirae Asset Việt Nam có quỹ của Hàn Quốc nắm giữ 49% vốn từ 2008. Qua 8 năm hoạt động thì có đến 5 năm thua lỗ. Tính đến cuối năm vừa qua thì lỗ lũy kế của Mirae Asset Việt Nam còn 39 tỷ đồng khiến vốn chủ sở hữu bị hụt đi 12% so với thời điểm 2008.

Duy chỉ có FSC và VSEC kinh doanh không thua lỗ nhưng đang giảm dần đều qua các năm, vốn điều lệ cũng duy trì chứ không tăng thêm. (Nguồn Vietstock)

Trong điều kiện kinh doanh đầy khó khăn như trình bày ở trên , qua kết quả đạt được được phản ánh trong báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015, tuy không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm 2015 nhưng đặt chung trong kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán khác được trình bày như trên , có thể nói thành quả của Công ty dưới sự lãnh đạo của Ban điều hành là đáng ghi nhận.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC (Đơn vị tính : VNĐ)	Năm 2014	Năm 2015
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	24.975.035.652	16.371.811.705
Cổ tức đã chi trong năm 2015	24.000.000.000	15.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối dồn tích	34.900.988.187	35.454.209.306

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày phát hành báo cáo tài chính cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc sổ sách kế toán phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào. Ban Tổng Giám đốc cũng đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký và chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HĐQT phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan.

V- Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Dành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2014
Ông Trần Thiện Thế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Quấn Văn Viết Cường	Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2014
Bà Chang Ya Wen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Wu Jin Tang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT:

Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Bùi Thị Hồng Tuyến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012

2-Ban Điều Hành :

Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Thiện Thể	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 08 năm 2012
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Chung Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Huỳnh Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 1999

- Toàn bộ các thành viên HĐQT – ngoại trừ Ông Trần Thiện Thể là Tổng Giám Đốc điều hành – đều là thành viên HĐQT độc lập không làm việc tại Công Ty.
- Các thành viên trong ban kiểm soát đều làm việc và tham gia điều hành tại công ty.
- Thành viên ban Kiểm soát cũng đồng thời là trưởng ban Kiểm soát nội bộ tham gia giám sát toàn diện các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty .
- Thù lao của thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát được cố định theo mức 4 triệu đồng / người / tháng .
- Các thành viên Hội đồng Quản Trị đa số là các cán bộ giữ vai trò chủ chốt tại các Doanh nghiệp Nhà nước , Cổ phần trong và ngoài nước nên đều có kiến thức về quản trị công ty
- Số cổ phần sở hữu đến ngày 31/12/2015 của các thành viên nêu trên :

STT	Họ và tên	Số cổ phần sở hữu	Ghi Chú
Hội Đồng Quản Trị			
01	Trần Thiện Thể	360.000	CP phổ thông
Ban kiểm soát			
01	Huỳnh Vĩnh Thành	500	CP phổ thông

02	Bùi Thị Hồng Tuyến	3.000	CP phổ thông
	Ban Điều Hành		
01	Trần Thiện Thế	360.000	CP phổ thông
02	Chung Kim Hoa	57.000	CP phổ thông
03	Huỳnh Vĩnh Thành	500	CP phổ thông
04	Huỳnh Thị Mai	13.500	CP phổ thông
05	Nguyễn Quốc Bảo	30.000	CP phổ thông

Trong toàn bộ hoạt động kinh doanh trong năm 2015, không phát sinh hợp đồng nào giữa Công Ty và các thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát và Ban Điều hành .

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THIÊN THẾ